

Số: *174*/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 30 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình
Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT các xã vùng bãi khó khăn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 04/6/2015 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ để lập Dự án xây dựng Cơ sở hạ tầng kinh tế nông thôn vùng bãi khó khăn trong tỉnh năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 1320/TTr-SGTVT ngày 29/6/2015.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT các xã vùng bãi khó khăn gồm: Tuyến đường xã Tổng Trân, huyện Phù Cừ; tuyến đường xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên; tuyến đường xã Xuân Quan, huyện Văn Giang và tuyến đường xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT các xã vùng bãi khó khăn gồm: Tuyến đường xã Tổng Trân, huyện Phù Cừ; tuyến đường xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên; tuyến đường xã Xuân Quan, huyện Văn Giang và tuyến đường xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ;

2. Chủ đầu tư: Chi cục Phát triển nông thôn Hưng Yên.

3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trung tâm Tư vấn kỹ thuật đề điều thủy lợi.

4. Mục tiêu đầu tư: Cải tạo, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn của các xã khó khăn để tạo điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của địa

phương; góp phần xoá đói giảm nghèo; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

5. Nội dung và quy mô đầu tư

5.1. Loại đường và cấp đường

- Đường giao thông nông thôn cấp B; tải trọng trục thiết kế 2,5T;
- Vận tốc thiết kế 10-15km/h;
- Kết cấu mặt đường BTXM.

5.2. Bình đồ tuyến: Tim các tuyến đường cơ bản theo tim đường hiện tại; có điều chỉnh cục bộ một số vị trí đường cong để đảm bảo yếu tố hình học và giảm khối lượng giải phóng mặt bằng.

- Tuyến đường xã Tổng Trân, huyện Phù Cù: Điểm đầu Km0+000 giáp đê 195 (ĐT.378), điểm cuối Km0+389 hướng đi nhà ông Cơ - thôn Vĩng Phan xã Tổng Trân; chiều dài tuyến 389m;

- Tuyến đường xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên: Điểm đầu Km0+000 giáp đường liên xã Phú Cường, điểm cuối Km0+592 hướng đi nhà ông Đùm - thôn Tân Trung, xã Phú Cường; chiều dài tuyến 592m;

- Tuyến đường xã Xuân Quan, huyện Văn Giang: Điểm đầu Km0+000 giáp nhà văn hóa thôn 4, điểm cuối Km0+547 hướng đi trường tiểu học thôn 5 xã Xuân Quan; chiều dài tuyến 547m;

- Tuyến đường xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ: Điểm đầu Km0+000 giáp đê 195 (ĐT.378), điểm cuối Km0+505 hướng đi nhà ông Chung - thôn Đặng Xá, xã Cương Chính; Chiều dài tuyến 505m.

5.3. Trắc dọc tuyến: Thiết kế theo phương pháp đường bao để tận dụng tối đa nền đường cũ; đồng thời đảm bảo độ dốc dọc, sự êm thuận và phù hợp với địa hình xung quanh.

5.4. Trắc ngang tuyến

- Tuyến đường xã Tổng Trân, huyện Phù Cù:

- + Chiều rộng mặt đường $B_m=5,0m$, độ dốc ngang mặt đường 2%;
- + Chiều rộng lề đường $B_l=2 \times 0,75m=1,5m$, độ dốc ngang lề đường 4%;
- + Chiều rộng nền đường $B_n=6,5m$; độ dốc mái taluy đắp 1:1,5;
- + Lề đường, mái taluy đắp bằng đất đầm chặt K90.

- Các tuyến đường xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên và tuyến đường xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ:

- + Chiều rộng mặt đường $B_m=3,0m$, độ dốc ngang mặt đường 2%;
- + Chiều rộng lề đường $B_l=2 \times 0,5m=1,0m$, độ dốc ngang lề đường 4%;
- + Chiều rộng nền đường $B_n=4,0m$, độ dốc mái taluy đắp 1:1,5;

- + Lê đường, mái taluy đắp bằng đất đầm chặt K90.
- Tuyến đường xã Xuân Quan, huyện Văn Giang:
 - + Chiều rộng mặt đường $B_m=3,0m$, độ dốc ngang một mái 2%;
 - + Chiều rộng lề đường $B_l=1x0,5m=0,5m$, độ dốc ngang lề đường 4%;
 - + Chiều rộng nền đường $B_n=3,5m$, độ dốc mái taluy đắp 1:1,5;
 - + Lê đường, mái taluy đắp bằng đất đầm chặt K90;
 - + Riêng đoạn từ Km0+309 đến Km0+382: Đoạn tuyến qua khu dân cư, chiều rộng mặt đường từ 2m-3m theo mặt bằng hiện có.

5.5. Kết cấu áo đường

a) Tuyến đường xã Tống Trân, huyện Phù Cù:

- Kết cấu trên mặt đường cũ:
 - + Lớp mặt đường BTXM mác M250, dày 18cm;
 - + Lớp đệm cát đen dày 3cm;
 - + Bù vênh mặt đường cũ bằng CPDD loại II, đầm chặt K98;
- Kết cấu trên phần mặt đường mở rộng:
 - + Lớp mặt đường BTXM mác M250, dày 18cm;
 - + Lớp đệm cát đen dày 3cm;
 - + Lớp móng CPDD loại II dày 15cm, đầm chặt K98;
 - + Đầm nền đất cũ đạt độ chặt K95.

b) Các tuyến đường xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên; tuyến đường xã Xuân Quan, huyện Văn Giang và tuyến đường xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ

- Lớp mặt đường BTXM mác M250, dày 18cm;
- Lớp đệm cát đen dày 3cm;
- Lớp móng CPDD loại II dày 15cm, đầm chặt K98;
- Đắp nền đường bằng cát đen đầm chặt K95.

5.6. Hệ thống thoát nước

- Thoát nước dọc:

+ Các tuyến đường xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên; tuyến đường xã Xuân Quan, huyện Văn Giang và tuyến đường xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ thoát nước tự nhiên.

+ Tuyến đường xã Tống Trân, huyện Phù Cù: Thiết kế hệ thống rãnh thoát nước dọc bên trái tuyến đoạn qua khu dân cư có chiều dài 159m, chiều rộng lòng rãnh 30cm. Đoạn rãnh chịu lực (qua mặt đường) có chiều dài 11m. Kết cấu rãnh chịu lực: Tường xây gạch chỉ đặc, vữa XMCV mác 75 dày 33cm; xà mũ rãnh đổ

BTCT mác M250; trên đây tấm đan bằng BTCT mác M250 dày 15cm; móng rãnh đổ BTXM mác M200, dày 15cm. Đoạn rãnh không chịu lực (tiếp giáp với mặt đường) có chiều dài 148m. Kết cấu rãnh: Tường xây gạch chỉ đặc, vữa XMCV mác 75 dày 22cm; xà mũ rãnh đổ BTXM mác M200; trên đây tấm đan bằng BTCT mác M200 dày 8cm; móng rãnh đổ BTXM mác M200, dày 10cm.

- Thoát nước ngang:

+ Các tuyến đường xã Tổng Trân, huyện Phù Cù; xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên; xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ thoát nước ngang theo hệ thống hiện có;

+ Tuyến đường xã Xuân Quan thiết kế nối dài bằng rãnh dọc chịu lực. Kết cấu rãnh chịu lực: Tường xây gạch chỉ đặc, vữa XMCV mác 75 dày 33cm; xà mũ rãnh đổ BTCT mác M250; trên đây tấm đan bằng BTCT mác M250 dày 15cm; móng rãnh đổ BTXM mác M200, dày 15cm.

5.7. Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế hệ thống biển báo hiệu theo Quy chuẩn Việt Nam số QCVN 41: 2012/BGTVT.

6. Địa điểm xây dựng: Xã Tổng Trân, huyện Phù Cù; xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên; xã Xuân Quan, huyện Văn Giang và xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ.

7. Tổng mức đầu tư: **3.590.697.000 đồng.**

Trong đó:

- Các hạng mục chi phí	Ngân sách tỉnh (đồng)	Ngân sách địa phương (đồng)	Tổng (đồng)
- Chi phí xây lắp	2.718.919.000	562.158.000	3.281.077.000
- Chi phí QLDA	54.742.000	12.184.000	66.926.000
- Chi phí Tư vấn ĐTXD	214.211.000	14.120.000	228.331.000
- Chi phí khác	12.067.000	2.296.000	14.363.000
- Chi phí dự phòng	0	0	0
Tổng mức đầu tư	2.999.939.000	590.758.000	3.590.697.000

8. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách tỉnh: Theo Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 04/6/2015 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ để lập Dự án xây dựng Cơ sở hạ tầng kinh tế nông thôn vùng bãi khó khăn trong tỉnh năm 2015 là **3,0 tỷ đồng.**

- Ngân sách các xã và nhân dân đóng góp thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng nền đường, đắp đất hai bên lề đường, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước dọc, cống thoát nước trên tuyến: **590.758.000 đồng.**

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo quy định.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2015.

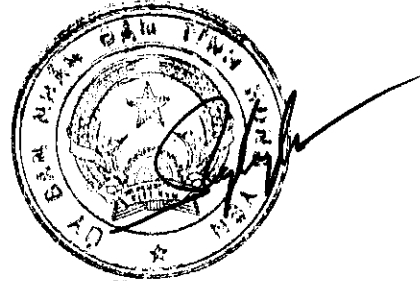
Điều 2. Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chi cục Phát triển nông thôn Hưng Yên; Chủ tịch UBND các huyện: Văn Giang, Tiên Lữ, Phù Cừ; Chủ tịch UBND thành phố Hưng Yên và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, GTTL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Quỳnh